

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /3/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và khách hàng ra vào sử dụng các dịch vụ của Công ty.
- Nguồn số 02: Nước thải từ máy giặt.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà hàng, quán café.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước thải chung của thị trấn Quất Lâm phía Tây Nam dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả vào cống thoát nước thải chung tại thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2234115; Y = 591543 (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105⁰30'; múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ xả theo phương thức bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($C_{max} = C \times K$; $K = 1,2$; $C_{max} = C$ đối với các thông số: pH, Tổng coliforms), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giới hạn giá trị thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	
			C	C _{max}
1	pH	-	8 - 9	8 - 9
2	BOD ₅	mg/l	50	60
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	1.200

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	36
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20	24
11	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Giai đoạn hiện tại, Chủ dự án sẽ đầu tư 01 trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm số 1 để thu gom, xử lý nước thải phát sinh. Mạng lưới thu gom như sau:

+ Nước thải khu vực bếp của nhà hàng: Nước thải được thu gom qua lưới chắn rác để giữ lại các loại rác thô, qua bể tách dầu mỡ xây ngầm phía dưới khu bếp của nhà hàng (thể tích 03 m³), sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước rửa tay chân, nước thải từ khu vực giặt giũ, nước thoát sàn, nước thải từ khu vực quán cafe: Nước thải được dẫn ra hố ga tách cặn bố trí tại từng khu vực, trước khi dẫn về hố ga chung (bằng đường ống HDPE D300) để về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải nhà vệ sinh các khu vực dịch vụ: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn vào hố ga chung, thoát ra cống thoát nước thải chung khu vực nằm phía dưới vỉa hè của đường tỉnh lộ 489B phía Tây Nam dự án.

- Khi du lịch phát triển, lượng khách hàng của dự án tăng dẫn đến lượng nước thải phát sinh tăng, chủ dự án sẽ đầu tư trạm xử lý nước thải số 2 công suất 70 m³/ngày.đêm trước khi trạm xử lý nước thải số 1 vượt quá công suất. Mạng lưới thu gom như sau:

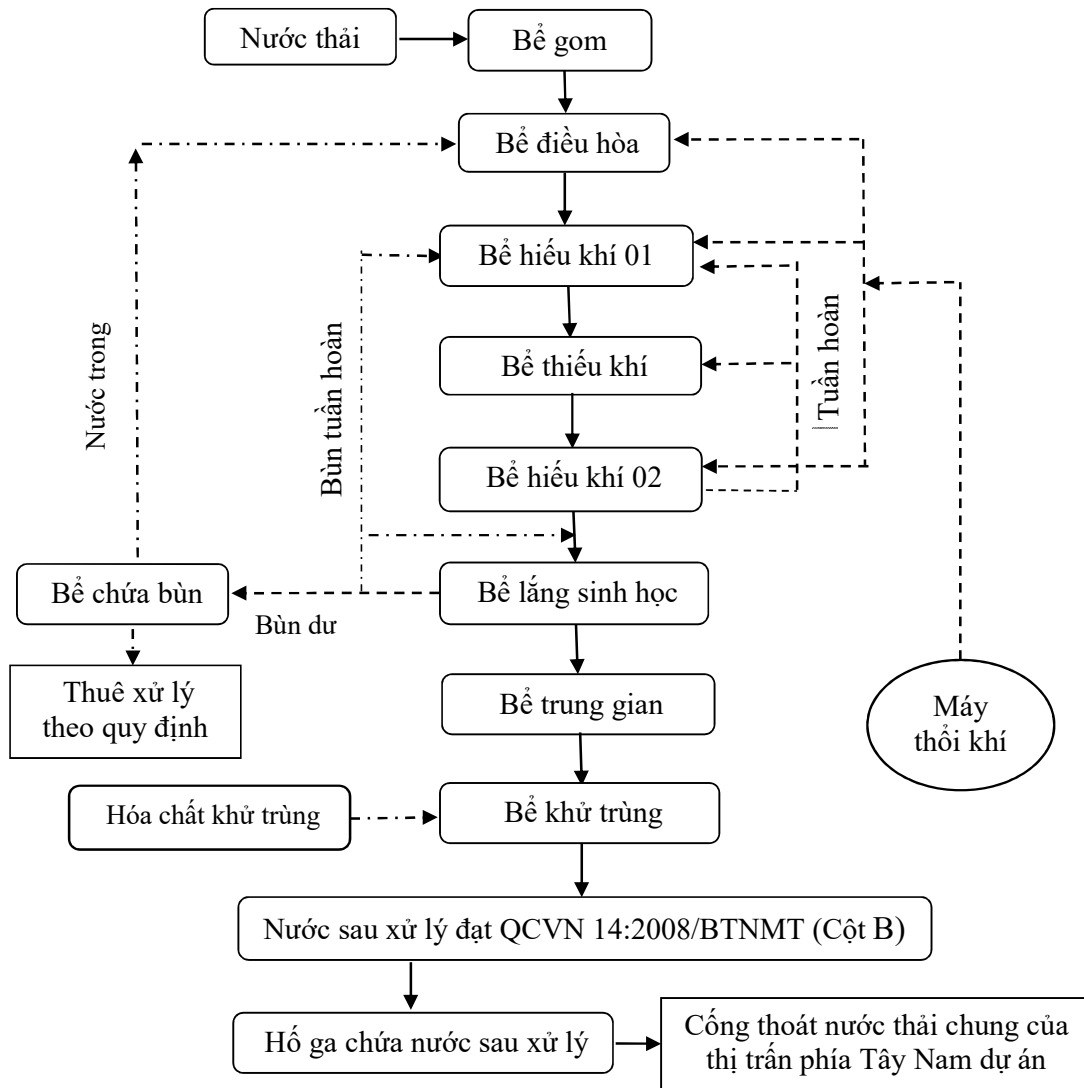
+ Trạm xử lý số 1: Có chức năng thu gom, xử lý nước thải của khu thương mại, shop lưu niệm, khu nhà hàng, quán cafe và của 14 khu nhà dịch vụ nằm phía Đông Nam dự án.

+ Trạm xử lý số 2: Có chức năng thu gom, xử lý nước thải của khu vui chơi giải trí, khu nhà điều hành và 20 khu nhà dịch vụ còn lại nằm phía Đông Bắc dự án.

Nước thải sau 02 trạm xử lý nước thải được đầu nối vào hố ga chứa nước sau xử lý trước khi thải ra công thoát nước thải chung của thị trấn phía Tây Nam dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 02 trạm xử lý nước thải có quy trình công nghệ giống nhau như sau:



- Hóa chất sử dụng: Viên nén Cloramin B với khối lượng 05 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Chủ dự án khóa đường dẫn nước thải từ các khu vực phát

sinh nước thải của dự án ra hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời khóa van và đường nước thải từ hố ga chứa nước thải sau xử lý ra cống thoát nước thải chung khu vực phía Tây Nam dự án. Sau đó cử cán bộ kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Đối với hệ thống xử lý nước thải số 1: Dự kiến trong Quý I/2025.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải số 2: Khi tải lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý nước thải số 1, Công ty sẽ triển khai xây dựng bổ sung thêm hệ thống xử lý nước thải số 2. Yêu cầu Công ty có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải số 1 công suất 70 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại bể gom và 03 mẫu tại hố ga chứa nước sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Như tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 3 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra cống thoát nước thải chung khu vực phía Tây Nam dự án.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Giao Thủy để kịp thời xử lý./.